

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2021  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang được ban hành ngày 19/04/2021,

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã được Công ty TNHH Deloitte (Việt Nam) kiểm toán. Tài liệu Báo cáo đã đăng tải trên website của Công ty: [www.dhgpharma.com.vn](http://www.dhgpharma.com.vn) và website của SGDCK Tp.HCM: [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn). Tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, Hội đồng quản trị chỉ xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã tóm tắt của Công ty như sau:

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	Khoản mục	01/01/2021 (VNĐ)	31/12/2021 (VNĐ)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>4.447.503.471.370</b>	<b>4.617.666.192.702</b>
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3.480.799.873.619</b>	<b>3.727.292.944.320</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	73.054.473.018	43.373.518.349
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.074.000.000.000	2.110.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	496.020.199.824	488.071.438.874
IV	Hàng tồn kho	826.585.429.976	1.072.605.509.022
V	Tài sản ngắn hạn khác	11.139.770.801	13.242.478.075
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>966.703.597.751</b>	<b>890.373.248.382</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	244.240.000	642.061.880
II	Tài sản cố định	849.298.475.010	767.930.673.967
III	Bất động sản đầu tư	14.999.958.848	14.654.470.364
IV	Tài sản dở dang dài hạn	66.472.781.314	69.507.677.936
V	Đầu tư tài chính dài hạn	4.387.520.000	4.577.500.000
VI	Tài sản dài hạn khác	31.300.622.579	33.060.864.235
	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>4.447.503.471.370</b>	<b>4.617.666.192.702</b>
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>879.464.107.014</b>	<b>824.522.565.569</b>
I	Nợ ngắn hạn	816.433.295.601	757.715.602.158
II	Nợ dài hạn	63.030.811.413	66.806.963.411
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>3.568.039.364.356</b>	<b>3.793.143.627.133</b>
I	Vốn góp của chủ sở hữu	1.307.460.710.000	1.307.460.710.000

STT	Khoản mục	01/01/2021 (VNĐ)	31/12/2021 (VNĐ)
II	Thặng dư vốn cổ phần	6.778.948.000	6.778.948.000
III	Quỹ đầu tư và phát triển	1.479.946.644.695	1.668.641.014.030
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	769.784.599.949	807.129.425.637
V	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	4.068.461.712	3.133.529.466

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

STT	Khoản mục	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2021 (VNĐ)
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.206.732.382.220</b>	<b>4.522.014.622.470</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	451.113.070.896	518.844.205.371
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.755.619.311.324</b>	<b>4.003.170.417.099</b>
4	Giá vốn hàng bán	1.944.243.042.082	2.082.259.824.914
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.811.376.269.242</b>	<b>1.920.910.592.185</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	140.432.017.346	122.939.313.054
7	Chi phí tài chính	119.182.682.485	99.190.812.380
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	14.029.596.510	12.080.103.631
8	Phần lỗ trong công ty liên kết	(500.637.457)	-
9	Chi phí bán hàng	699.298.275.858	802.955.208.315
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	302.861.761.740	257.171.743.291
<b>11</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>829.964.929.048</b>	<b>884.532.141.253</b>
12	Thu nhập khác	6.031.473.208	1.931.180.500
13	Chi phí khác	14.972.488.544	22.461.429.911
14	Lỗ khác	(8.941.015.336)	(20.530.249.411)
<b>15</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>821.023.913.712</b>	<b>864.001.891.842</b>
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	86.210.837.298	89.184.316.760
17	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.720.732.628)	(1.467.218.705)
<b>18</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>738.533.809.042</b>	<b>776.284.793.787</b>
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	739.874.900.345	777.219.726.033
	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.341.091.303)	(934.932.246)
<b>19</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.443</b>	<b>5.720</b>

### III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2021 (VNĐ)
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	821.023.913.712	864.001.891.842
<b>2</b>	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	88.196.799.144	83.863.617.460
	Các khoản dự phòng	17.994.453.882	6.212.023.553
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	100.670.419	(428.437.498)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	(136.184.864.585)	(106.217.667.352)
	Chi phí lãi vay	14.029.596.510	12.080.103.631
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>805.160.569.082</b>	<b>859.511.531.636</b>
	Thay đổi các khoản phải thu	69.743.246.065	22.427.410.406
	Thay đổi hàng tồn kho	(101.120.046.803)	(246.313.380.755)
	Thay đổi các khoản phải trả	171.398.479.009	(33.242.143.727)
	Thay đổi chi phí trả trước	12.429.581.311	(1.749.149.711)
	Tiền lãi vay đã trả	(14.279.236.632)	(12.049.912.729)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(78.840.918.985)	(99.613.058.758)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(38.317.458.516)	(36.526.894.741)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>826.174.214.531</b>	<b>452.444.401.621</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(88.805.051.465)	(24.562.126.487)
2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.238.101.817	4.631.501.640
3	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	(3.198.000.000.000)	(2.980.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	2.892.053.651.065	2.944.109.670.254
5	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	8.629.332.200	84.720.000
6	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	132.791.732.930	101.430.251.158
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(248.092.233.453)</b>	<b>45.694.016.565</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1	Tiền thu từ đi vay	736.698.389.686	794.683.347.097
2	Tiền trả nợ gốc vay	(789.093.721.992)	(799.563.689.552)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(522.984.284.000)	(522.984.284.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(575.379.616.306)</b>	<b>(527.864.626.455)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>2.702.364.772</b>	<b>(29.726.208.269)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>70.328.408.693</b>	<b>73.054.473.018</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	23.699.553	45.253.600
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>73.054.473.018</b>	<b>43.373.518.349</b>

#### IV. MỘT SỐ TỶ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	78,26%	80,72%
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	21,74%	19,28%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19,77%	17,86%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80,23%	82,14%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,26	4,92
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,25	3,50
	Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,09	0,06
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,66%	19,39%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	17,19%	17,13%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,27%	21,09%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT, UBKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Masashi Nakaura**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty mẹ") và Công ty con (Công ty mẹ và Công ty con sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2022, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Sang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2018-001-1  
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM  
Ngày 16 tháng 02 năm 2022  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vòng Mỹ Thanh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 3460-2020-001-1